TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **121**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31/ 7/ 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Văn Đông.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Duệ.
2/ Bà Lữ Thị Thủy.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vi Thị Nhuần – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2026/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số:76/2026/QĐ -TA ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị L,** sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Xóm V (xóm T cũ), xã M, tỉnh Nghệ An.
Số căn cước công dân: 042185013582.
Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lê Ngọc T** (tên gọi khác: Lê Ngọc Đ), sinh năm: 1982.
Địa chỉ: Xóm V (xóm T cũ), xã M, tỉnh Nghệ An.
Số căn cước công dân: 040082003977.
Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2026, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 20/4/2026 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Lê Ngọc T (tên gọi khác Lê Ngọc Đ) đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 09/09/2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Sau một thời gian sống chung do vợ chồng có lối sống và những quan điểm về xây dựng hạnh phúc gia đình khác nhau

dẫn tới thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Do mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình lâu dài không đạt được nên chị Phan Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, giữa chị Phan Thị L và anh Lê Ngọc T (tên gọi khác Lê Ngọc Đ) có 02 (hai) con chung là Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 05/11/2005 và Lê Thị Bảo T1, sinh ngày 04/6/2012. Đối với con chung Lê Thị Tuyết N đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết giao nuôi. Giải quyết ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục giao con chung Lê Thị Bảo T1 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành và không yêu cầu anh Lê Ngọc T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Ngọc T: Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định, tuy nhiên anh T vắng mặt trong những lần tống đạt, qua xác minh tại địa phương xác định, anh T đăng ký thường trú tại xóm V (xóm T cũ), xã M, tỉnh Nghệ An, ngoài ra anh T không có thông tin về việc đăng ký tạm trú, cư trú tại địa chỉ khác. Tuy nhiên sau khi được niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, không rõ lý do vì sao anh T vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu và cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi Tòa án để xem xét theo quy định. Do đó vụ án được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu nên Tòa án tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

Tại văn bản trình bày nguyện vọng, con chung chưa thành niên có nguyện vọng, mong muốn tiếp tục được sống cùng với chị Phan Thị L

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tại phiên tòa: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn được tống đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên

tòa lần thứ hai không có lý do, do đó cần xem xét áp dụng quy định bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Đề nghị áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Lê Ngọc T (tên gọi khác Lê Ngọc Đ).

Về con chung: Xem xét tiếp tục giao con chung Lê Thị Bảo T1, sinh ngày 04/6/2012 cho chị Phan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Ngọc T là phù hợp, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, bị đơn không có ý kiến phản hồi do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với bị đơn anh Lê Ngọc T (Lê Ngọc Đ), đề nghị giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[1.1] Sau khi xác minh tại địa phương, xem xét tài liệu, chứng cứ cung cấp có trong hồ sơ xác định bị đơn anh Lê Ngọc T (tên gọi khác là Lê Ngọc Đ) có địa chỉ đăng ký thường trú và chỗ ở tại xóm V (xóm T cũ), xã M, tỉnh Nghệ An. Không có thông tin về việc bị đơn đăng ký tạm trú hoặc đang cư trú tại địa chỉ khác, căn cứ quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung), vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An là đúng quy định.

[1.2] Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến phản hồi để Tòa án xem xét giải quyết, không cung cấp địa chỉ liên hệ cũng như có mặt để tham gia giải quyết vụ án theo quy định. Căn cứ hướng dẫn Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao cùng văn bản pháp luật liên quan, xác định vụ án thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, cố ý vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu, do đó Tòa án tiếp tục tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung đúng quy định. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện, chấp hành đầy đủ, đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, cố tình vắng mặt, không cung cấp địa chỉ liên hệ, không gửi văn bản phản hồi ý kiến để Tòa án xem xét, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[**2] Về quan hệ hôn nhân:** Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự xác định, chị Phan Thị L và anh Lê Ngọc T (tên gọi khác là Lê Ngọc Đ) đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 09/09/2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa hai bên được công nhận hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau này do vợ chồng có những quan điểm, lối sống xây dựng gia đình khác nhau dẫn tới thường xuyên xảy ra cãi vã mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đã sống ly thân với nhau hai bên không còn sự quan tâm, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng cho thấy, giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, nguyên đơn kiên quyết giữ nguyên ý kiến đề nghị giải quyết ly hôn, bị đơn không có ý kiến phản hồi. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị L cho ly hôn với anh Lê Ngọc T (tên gọi khác là Lê Ngọc Đ).

[3] Về con chung: Đối với người con Lê Thị Tuyết N phát triển bình thường, đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập do đó không xem xét giải quyết giao nuôi. Giải quyết ly hôn chị Phan Thị L yêu cầu được tiếp tục giao chăm sóc, nuôi dưỡng người con thứ hai Lê Thị Bảo T1, sinh ngày 04/6/2012, ghi nhận ý kiến con chung có nguyện vọng được sống chung cùng chị L, quá trình giải quyết vụ án anh Lê Ngọc T (tên gọi khác là Lê Ngọc Đ) vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến phản hồi, không rõ về công việc, mức thu nhập và hoàn cảnh sống. Do đó giải quyết ly hôn cần tiếp tục giao con chung Lê Thị Bảo T1 cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Ngọc T (tên gọi khác Lê Ngọc Đ) là phù hợp.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, anh Lê Ngọc T (tên gọi khác là Lê Ngọc Đ) không có ý kiến hay văn bản phản

hồi để Tòa án xem xét, việc nguyên đơn không yêu cầu giải quyết không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét. Đối với tài sản chung vợ chồng (nếu có) mà chưa giải quyết, sau này nếu như xảy ra tranh chấp hai bên có quyền lựa chọn tự thỏa thuận giải quyết hoặc yêu cầu khởi kiện để được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Lê Ngọc T (tên gọi khác là Lê Ngọc Đ).

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Bảo T1, sinh ngày 04/6/2012 cho chị Phan Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Ngọc T (tên gọi khác là Lê Ngọc Đ).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phan Thị L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002885, ngày 20 tháng 4 năm 2026 tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Cổ Đạm, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hà Văn Đông